

**BAN TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ TRUNG
ƯƠNG - BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên tịch số 225/2004/
TTLT-BTCQTTW-BTC ngày
05/4/2004 hướng dẫn thực
hiện chế độ chi hoạt động
công tác Đảng của tổ chức
Đảng các cấp.**

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành quy định về "chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp" (sau đây gọi là Quyết định số 84/QĐ-TW);

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản về cơ chế quản lý tài chính của Đảng và Nhà nước hiện hành;

Sau khi Ban Tổ chức Trung ương đã thống nhất tại Công văn số 4211/CV-TCTW ngày 09/3/2004, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp theo Quyết định số 84/QĐ-TW như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG
CÁC KHOẢN CHI**

1. Đối tượng trực tiếp thực hiện là tổ chức Đảng các cấp ở trong nước gồm:

1.1. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn.

1.2. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, đơn vị hành chính, các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động của Đảng, Nhà nước; trong các tổ chức chính trị xã hội và trong các lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân, công an nhân dân);

1.3. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước (ngoài quốc doanh);

1.4. Các đảng bộ trên cơ sở không có cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp, bao gồm:

- Các đảng bộ khối trực thuộc Trung ương;

- Đảng bộ khối cơ quan dân, chính đảng; các đảng bộ khối khác trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương.

1.5. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, cấp trên cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu từ hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước.

2. Đối tượng liên quan thực hiện công tác quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác Đảng:

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp... có tổ chức Đảng là đối tượng trực tiếp thực hiện ở điểm 1 nêu trên.

- Riêng các cơ quan quận, huyện, thành, thị ủy; các tỉnh, Thành ủy trực

thuộc Trung ương vừa là đối tượng trực tiếp thực hiện chế độ chi tổ chức đại hội đảng; chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng, đồng thời là đối tượng có trách nhiệm tổ chức, quản lý công tác tài chính kế toán đối với tổ chức Đảng cấp dưới.

3. Nội dung các khoản chi hoạt động công tác Đảng thường xuyên của tổ chức Đảng các cấp (điểm 2 và 3 Điều 1 Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương).

II. NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG

Nguồn kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp quy định tại Quyết định số 84/QĐ-TW không bao gồm kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn và mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, các cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp; cơ quan tài chính đảng cấp trên (đối với tổ chức Đảng cấp trên cơ sở không có cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp) có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc, phương tiện đi lại và cơ sở vật chất cần thiết cho cấp ủy đảng hoạt động.

1. Nguồn kinh phí.

Căn cứ quy định ban hành tại Quyết định số 84/QĐ-TW và Quyết định số 09/QĐ-TW ngày 24/9/2001 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí, nguồn kinh phí hoạt động công tác Đảng thường xuyên và nguồn kinh phí dự trữ của tổ chức Đảng các cấp bao gồm:

1.1. Nguồn kinh phí thường xuyên:

a) Thu đảng phí: là số đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở theo quy định.

b) Ngân sách nhà nước cấp: là số kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho tổ chức Đảng các cấp theo quy định.

c) Nguồn kinh phí khác: là số kinh phí do doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước chuyển sang cho tổ chức Đảng hoạt động theo quy định và thu khác (nếu có).

1.2. Nguồn kinh phí dự trữ: là số đảng phí được trích giữ lại ở các cấp trên cơ sở để sử dụng theo quy định tại Quyết định số 09/QĐ-TW không cân đối vào kinh phí chi thường xuyên của cấp trên cơ sở.

2. Cân đối kinh phí hoạt động công tác Đảng cho các loại hình tổ chức Đảng.

2.1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động cho các đối tượng quy định ở điểm 1.1, 1.2 và 1.4 Mục I Phần A theo nguyên tắc: ngân sách nhà nước cấp chênh lệch giữa tổng số thu từ đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và thu khác với tổng dự toán chi được duyệt theo mức kinh phí quy định cụ thể tại các điểm 1, 2, 3 và 4 Mục I Phần B “Những quy định cụ thể” của Thông tư liên tịch này.

2.2. Kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước được

hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi đã trừ đi số thu từ đảng phí được trích lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và thu khác (nếu có).

2.3. Tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sự nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước (ngoài quốc doanh), kinh phí hoạt động thường xuyên được bảo đảm từ các nguồn:

- Thu đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở;

- Các khoản chi hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sự nghiệp, tổ chức kinh tế cho hoạt động công tác Đảng được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị, tổ chức đó.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động cho tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo nguyên tắc cấp bù trừ giữa tổng nguồn thu từ đảng phí được trích giữ lại, thu khác và khoản hỗ trợ (nếu có) theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Chi mua báo, tạp chí của Đảng theo Chỉ thị số 11/CT-TW ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị (Khóa VIII).

- Mỗi chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận,

chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở và các cấp trên cơ sở được mua một tờ báo Nhân dân hàng ngày và một tờ báo của đảng bộ địa phương mình (kể cả báo Chủ nhật); tổ chức Đảng trong các lực lượng vũ trang được mua thêm tờ báo Quân đội nhân dân hoặc báo Công an nhân dân.

- Mỗi chi bộ cơ sở, đảng bộ bộ phận, đảng bộ cơ sở, các cấp trên cơ sở được mua một Tạp chí Cộng sản, một Tạp chí Xây dựng Đảng; Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được mua một Tạp chí Thanh niên.

2. Chi tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

2.1. Chi tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc và đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn 10.000 đồng/đại biểu dự đại hội: (không tính trừ số đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận theo quy định).

Mức chi này bao gồm toàn bộ các khoản chi cho trang trí, tài liệu phục vụ đại hội, tiền nước uống và các chi phí khác. Kinh phí do Đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn lập dự toán hàng năm và cấp cho chi bộ đảng bộ bộ phận theo số đại biểu thực tế dự đại hội.

2.2. Đại hội chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở.

- Số ngày đại hội và số đại biểu dự đại hội đảng cấp cơ sở thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Chi tiền ăn mức 15.000 đồng/đại biểu dự đại hội/ngày.

- Các chi phí khác (bao gồm toàn bộ các khoản chi cho trang trí, tài liệu phục vụ

đại hội, tiền nước uống và các chi phí khác...) cho đại hội chi bộ cơ sở là 200.000 đồng/đại hội; đại hội đảng bộ cơ sở là 300.000 đồng/đại hội.

2.3. Đại hội cấp trên cơ sở và đại hội Đảng toàn quốc: do Ban Tài chính - Quản trị Trung ương trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính và Ban Tổ chức Trung ương quy định và hướng dẫn cụ thể.

3. Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng.

3.1. Đối tượng áp dụng, hình thức, thẩm quyền, tiêu chuẩn và thủ tục khen thưởng đối với tổ chức Đảng và đảng viên được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Quy định số 14/QĐ-TW ngày 16/11/2001 của Bộ Chính trị (Khóa IX) "Quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng" (điểm 36); Văn bản hướng dẫn số 04/HD-TCTW ngày 05/02/2002 của Ban Tổ chức Trung ương "Hướng dẫn một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Đảng".

3.2. Căn cứ khả năng nguồn kinh phí dự toán chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng được duyệt, cấp ra quyết định khen thưởng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng theo các mức quy định. Tổng kết công tác Đảng hàng năm, nếu đảng viên, tổ chức Đảng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được khen thưởng theo quy định thì cấp quyết định khen thưởng chỉ được áp dụng mức chi khen thưởng đột xuất cho các loại đối tượng (Phụ lục mức chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương).

4. Chi thanh toán các dịch vụ công cộng,

vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc, chi hội nghị, công tác phí, chi cho công tác giáo dục, bồi dưỡng đảng viên mới, đối tượng kết nạp đảng... và các chi phí đảng vụ khác (ngoài 3 khoản chi trên đây) của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được quy định như sau:

4.1. Các mức chi cho từng loại hình tổ chức cơ sở đảng.

4.1.1. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động của Đảng, Nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước (ngoài quốc doanh):

+ Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 250.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 150.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 50.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 2.500.000 đồng/năm.

4.1.2. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn (không kể các xã đặc biệt khó khăn).

+ Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 300.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 200.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 60.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 3.000.000 đồng/năm.

4.1.3. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở thuộc các xã đặc biệt khó khăn:

+ Từ đảng viên thứ 30 trở xuống: 350.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 31 đến đảng viên thứ 100: 250.000 đồng/đảng viên/năm.

+ Từ đảng viên thứ 101 trở lên: 75.000 đồng/đảng viên/năm.

Mức chi tối thiểu cho một chi bộ cơ sở có 10 đảng viên trở xuống là 3.500.000 đồng/năm.

Các xã đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản: Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 24/12/1999; Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 12/7/2000; Quyết định số 42/2001/QĐ-TTg ngày 26/3/2001; Quyết định số 120/2002/QĐ-TTg ngày 13/9/2001 và Quyết định số 231/2003/QĐ-TTg ngày 12/11/2003.

4.1.4. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân, công an nhân dân).

- Nếu làm nhiệm vụ thường xuyên sẵn sàng chiến đấu; đóng quân trên các địa bàn biên giới, hải đảo, các tàu hải quân, các xã đặc biệt khó khăn; được áp dụng mức chi như đối với các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn quy định tại điểm 4.13.

- Nếu đóng quân trên các địa bàn khác được thực hiện mức chi như quy định tại điểm 4.11.

Đối tượng cụ thể do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện.

4.1.5. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước:

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có tỷ lệ đảng viên trên tổng số cán bộ công nhân viên từ 25% trở lên: chi hoạt động công tác Đảng được tính mức 0,5% (năm phần nghìn) trên tổng quỹ tiền lương thực tế của đơn vị.

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở có tỷ lệ đảng viên trên tổng số cán bộ công nhân viên dưới 25% được tính mức 0,4% (bốn phần nghìn) trên tổng quỹ tiền lương thực tế của đơn vị.

4.2. Một số ví dụ cách tính theo các mức quy định trên:

Ví dụ 1: Đảng bộ cơ sở phường A có 470 đảng viên:

30 đảng viên x 300.000 đ = 9.000.000 đồng

70 đảng viên x 200.000 đ = 14.000.000 đồng

370 đảng viên x 60.000 đ = 22.200.000 đồng

Cộng: 45.200.000 đồng.

Ví dụ 2: Chi bộ cơ sở xã B (xã đặc biệt khó khăn) có 35 đảng viên.

30 đảng viên x 350.000 đ = 10.500.000 đồng

5 đảng viên x 250.000 đ = 1.250.000 đồng

Cộng: 11.750.000 đồng.

Ví dụ 3: Chi bộ cơ sở cơ quan X có 7 đảng viên thì được tính mức chi thường xuyên tối thiểu là 2.500.000 đồng.

Ví dụ 4: Đảng bộ cơ sở doanh nghiệp nhà nước Z có 1.200 cán bộ công nhân viên, trong đó có 90 đảng viên (tỷ lệ đảng viên/cán bộ công nhân viên = 7,5%), tổng

Tổng dự toán của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở	=	Chi mua báo, tạp chí của Đảng	+	Chi đại hội đảng (nếu có)	+	Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng	+	Chi định mức tính theo số lượng đảng viên hoặc tỷ lệ % tiền lương thực tế của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp...
--	---	-------------------------------	---	---------------------------	---	---	---	---

quỹ lương thực tế toàn doanh nghiệp năm 2002 là 17.280.000.000 đồng. Số kinh phí chi cho hoạt động công tác Đảng như sau:

Tỷ lệ đảng viên/cán bộ công nhân viên < 25%, vì vậy:

17.280.000.000 đồng x 0,4% = 69.120.000 đồng.

Công thức tổng quát dự toán chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng:

Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng	+	Chi định mức tính theo số lượng đảng viên hoặc tỷ lệ % tiền lương thực tế của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp...
---	---	---

5. Chi hoạt động thường xuyên của tổ chức Đảng cấp trên cơ sở.

5.1. Các đảng bộ cấp trên cơ sở do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động được áp dụng theo định mức phân bổ ngân sách nhà nước quy định cho các đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, Ban Đảng cùng cấp:

- Đối với các đảng bộ cấp trên cơ sở ở Trung ương được bố trí định mức chi theo quy định tại Quyết định số 139/2003/QĐ-TTg ngày 11/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với các đảng bộ cấp trên cơ sở ở địa phương bố trí chi hoạt động theo mức phân bổ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với cơ quan Đảng địa phương cùng cấp.

- Riêng các đảng bộ trên cơ sở trong quân đội nhân dân, công an nhân dân được áp dụng định mức tính dự toán ngân sách nhà nước quy định cho các cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp.

5.2. Các đảng bộ cấp trên cơ sở thuộc hệ thống các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước:

5.2.1. Tổ chức Đảng cấp trên cơ sở có doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cùng cấp thì do doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp bảo đảm kinh phí hoạt động theo mức và cách tính quy định tại điểm 5.1.

5.2.2. Tổ chức Đảng cấp trên cơ sở không có doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cùng cấp thì do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động theo mức và cách tính quy định tại điểm 5.1.

6. Các mức chi trong quy định này là mức chi tối thiểu, là căn cứ xác định dự toán chi cho tổ chức Đảng các cấp. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng tài chính, ngân sách, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị quy định mức hỗ trợ bổ sung để nâng

cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng các cấp.

II. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Lập dự toán.

- Căn cứ để lập dự toán kinh phí hoạt động công tác Đảng là các mức kinh phí quy định cụ thể tại các điểm 1, 2, 3, 4 và 5 Mục I Phần B Thông tư này cho từng loại đối tượng tổ chức Đảng các cấp.

- Chi tổng hợp và chi khen thưởng công tác lập báo cáo thu, nộp đảng phí được thực hiện theo quy định tại Công văn số 84/CV-TCQT ngày 25/01/2002 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn thực hiện Quyết định số 09/QĐ-TW của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

- Kinh phí hoạt động công tác Đảng của chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trở lên thuộc nhiệm vụ chi của cấp nào do tổ chức Đảng cấp đó lập.

Chi tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc, đại hội đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn do Đảng bộ cơ sở lập và chi cho tổ chức Đảng trực thuộc theo dự toán được duyệt; chi mua báo, tạp chí của Đảng do tổ chức cơ sở đảng lập dự toán đặt mua cho tổ chức Đảng trực thuộc.

- Phần đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở được căn cứ vào số thu thực tế năm trước và các yếu tố làm tăng hoặc giảm trong năm để dự tính số thu năm nay.

1.1. Tổ chức Đảng do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động.

1.1.1. Tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị hành chính và các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động của Đảng, Nhà nước; các tổ chức chính trị xã hội; chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở xã, phường, thị trấn:

Hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật, tổ chức cơ sở, các cấp trên cơ sở của Đảng được ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động trao đổi với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp, lập dự toán chi hoạt động công tác Đảng của cấp mình trình cấp ủy duyệt, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, căn cứ vào đó cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp tổng hợp, cân đối dự toán ngân sách nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Các cấp ủy đảng trong các đơn vị dự toán ngân sách không tổ chức bộ phận kế toán riêng, do bộ phận tài chính của cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp lập dự toán chi hoạt động của toàn đơn vị trong đó có kinh phí hoạt động công tác Đảng của cấp ủy. Tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan dân, chính, đảng trực thuộc các quận, huyện, thành, thị ủy do văn phòng huyện, quận, thành, thị ủy lập và tổng hợp dự toán trong dự toán chung kinh phí hoạt động của quận, huyện, thành, thị ủy. Đảng bộ khối dân, chính, đảng các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương tổng hợp dự toán của các tổ chức Đảng trực thuộc.

1.1.2. Tổ chức cơ sở, các cấp trên cơ sở

trong các lực lượng vũ trang (quân đội nhân dân, công an nhân dân) thực hiện việc lập dự toán như quy định ở điểm 1.1.1 trên đây, do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn cụ thể: kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng các cấp trong quân đội, công an là một bộ phận trong kinh phí hoạt động của đơn vị quân chính cùng cấp.

1.1.3. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước (ngoài quốc doanh): thực hiện việc lập dự toán kinh phí hoạt động theo các quy định tại thông tư này trình cấp ủy cấp trên trực tiếp xét duyệt. Đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp có trách nhiệm tổng hợp dự toán của các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài thành phần kinh tế nhà nước thành một phần trong tổng dự toán chi hoạt động thường xuyên của cấp mình trình cấp có thẩm quyền quyết định như quy định tại điểm 1.1.1 trên đây.

1.1.4. Tổ chức Đảng cấp trên cơ sở thuộc hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước không có doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp cùng cấp, lập dự toán chi hoạt động công tác Đảng của cấp mình trình cơ quan tài chính, trình cấp ủy cấp trên phê duyệt; căn cứ vào đó cơ quan tài chính nhà nước cấp trên tổng hợp, cân đối dự toán, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

1.2. Tổ chức cơ sở và cấp trên cơ sở của Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước

và các đơn vị sự nghiệp của nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước có đơn vị chính quyền cùng cấp tính chi hoạt động công tác Đảng vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Hàng năm căn cứ các mức chi quy định ban hành tại Quyết định số 84/QĐ-TW tổ chức Đảng trao đổi thống nhất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chính quyền cùng cấp, lập dự toán trình cấp ủy, làm cơ sở để doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp lập kế hoạch tài chính của toàn doanh nghiệp, đơn vị trình cơ quan tài chính cấp trên xét duyệt.

2. Tổ chức công tác quản lý tài chính, thực hiện dự toán.

2.1. Hạch toán chi hoạt động thường xuyên của tổ chức Đảng các cấp theo Mục lục Ngân sách nhà nước.

Ngày 18/12/2003 Bộ Tài chính đã có Công văn số 13349/TC-NSNN bổ sung tiểu mục Mục lục Ngân sách nhà nước trong mục 134 "chi khác" để các đơn vị dự toán thụ hưởng ngân sách nhà nước hạch toán 4 loại chi theo Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương cho tổ chức Đảng trong cơ quan, đơn vị mình như sau:

- Tiểu mục 20: Chi mua báo, tạp chí của Đảng;
- Tiểu mục 21: Chi tổ chức Đại hội Đảng;
- Tiểu mục 22: Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng;
- Tiểu mục 23: Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo bồi

dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng... và các chi phí đảng vụ khác.

Tổ chức Đảng không được lấy kinh phí của loại chi này để sử dụng cho loại chi khác. Bí thư cấp ủy đảng các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng cấp mình theo quy định.

2.2. Phân bổ dự toán, thực hiện chi kinh phí hoạt động công tác Đảng.

Cơ quan tài chính Nhà nước và đơn vị dự toán của cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp thực hiện việc cấp phát kinh phí cho tổ chức Đảng các cấp hàng quý, chia ra tháng bằng hình thức lệnh chi tiền theo mục 134 chi tiết đến tiểu mục.

2.2.1. Tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp:

a) Cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp.

Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp thực hiện chi hoạt động cho tổ chức Đảng trong cơ quan, đơn vị hàng quý, chia ra tháng và ghi vào các tiểu mục trong mục 134 "Chi khác"; cụ thể:

- Tiểu mục 20: Chi mua báo, tạp chí của Đảng.

- Tiểu mục 21: Chi tổ chức Đại hội Đảng.

- Tiểu mục 22: Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng.

- Tiểu mục 23: Chi thanh toán các dịch

vụ công cộng, vật tư, văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng và các chi phí đảng vụ khác.

b) Tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp coi số kinh phí hoạt động do cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp chuyển sang là một nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp và hạch toán theo 4 tiểu mục trên đây.

Riêng tiểu mục 23 được theo dõi chi tiết cụ thể như sau:

- Chi vật tư văn phòng: văn phòng phẩm, mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng...

- Chi thông tin, tuyên truyền liên lạc: cước phí điện thoại, bưu chính, phim ảnh, sách, báo, thư viện, mua văn kiện của Đảng (không kể báo, tạp chí của Đảng đã hạch toán vào tiểu mục 21) và các chi phí khác về thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

- Chi hội nghị: hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị Thường vụ, Ban Chấp hành, hội nghị chuyên đề, gồm toàn bộ các chi phí: in, mua tài liệu, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, chi tiền ăn, trang trí hội trường và các chi phí khác về hội nghị.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng công tác nghiệp vụ, chính trị xây dựng Đảng: chi học tập triển khai thực hiện Nghị quyết các cấp của Đảng; chi bồi dưỡng nghiệp vụ chính trị cho đối tượng kết nạp đảng, cấp ủy viên, đảng viên mới, đào tạo bồi dưỡng cán bộ đương chức, kế cận và các chi phí khác về đào tạo, bồi dưỡng công tác nghiệp vụ, chính trị xây dựng Đảng.

- Chi hỗ trợ: hỗ trợ cho cấp dưới, hỗ trợ cho các đoàn thể, tổ chức (nếu có).

- Chi thăm hỏi; tiếp khách: thăm hỏi đảng viên ốm đau, phúng viếng đảng viên từ trần, thăm hỏi cán bộ lãnh đạo của cấp ủy đã nghỉ công tác, chi tiếp khách của cấp ủy.

- Chi khác: thanh toán các dịch vụ công cộng, điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường, công tác phí, sửa chữa công cụ, dụng cụ và các khoản chi đảng vụ khác chưa quy định trong các khoản chi trên đây.

Tổ chức Đảng các cấp thực hiện chi hoạt động công tác Đảng trong tiểu mục 23 áp dụng như các mức chi của cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp. Nguồn kinh phí hoạt động tập trung chủ yếu cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chính trị, xây dựng Đảng và phục vụ các loại hội nghị hoạt động công tác Đảng. Căn cứ nhiệm vụ chính trị trong năm và dự toán được duyệt, việc chi tiêu cụ thể cho từng khoản, mục chi do cấp ủy quyết định.

2.2.2. Tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự lấy thu đảm bảo toàn bộ chi phí như doanh nghiệp nhà nước:

a) Các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước tự bảo đảm toàn bộ chi phí...: mở Tài khoản 3385 "Kinh phí hoạt động công tác Đảng" để phản ánh số kinh phí tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đồng thời theo dõi số kinh phí hàng tháng, quý trích chuyển sang cho tổ chức Đảng trong doanh nghiệp, đơn vị để hoạt động công

tác Đảng. Giám đốc doanh nghiệp, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm thông báo rõ số kinh phí kế hoạch trích trong năm cho chi hoạt động công tác Đảng. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp, đơn vị: cuối quý, năm kế toán doanh nghiệp, đơn vị thanh, quyết toán kinh phí hoạt động chuyển sang cho tổ chức Đảng theo quy định.

b) Tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước: Khoản kinh phí của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp chuyển sang tổ chức Đảng được ghi tăng nguồn kinh phí hoạt động công tác Đảng (nguồn kinh phí khác) và được theo dõi chi tiết theo 4 tiểu mục 20, 21, 22, 23 như tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị quân chính, chính quyền cùng cấp (điểm 2.2.1 trên đây). Số kinh phí hoạt động công tác Đảng chi không hết, tổ chức Đảng được chuyển sang cân đối cho kinh phí hoạt động năm sau.

2.2.3. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh:

a) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh: Phần hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... cho chi hoạt động công tác Đảng trong doanh nghiệp, đơn vị (nếu có) được hạch toán vào tài khoản, mục chi phí phù hợp của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đó.

b) Tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh: Khoản kinh phí do doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh hỗ trợ được ghi tăng nguồn kinh phí hoạt động (nguồn kinh phí khác).

Phần kinh phí ngân sách nhà nước cấp đảm bảo chi hoạt động thường xuyên do Đảng bộ cấp trên cơ sở trực tiếp lập dự toán, cấp phát cho tổ chức cơ sở Đảng cấp dưới và quyết toán vào các tiểu mục 20, 21, 22 và 23 mục 134 "Chi khác" của cấp trên cơ sở đó.

Tổ chức Đảng có trách nhiệm hạch toán chi tiết kinh phí hoạt động (đảng phí, ngân sách nhà nước cấp, kinh phí khác) theo các tiểu mục 20, 21, 22, 23 như tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng, Nhà nước... quy định tại điểm 2.2.1b trên đây.

3. Tổ chức công tác kế toán.

3.1. Tổ chức Đảng các cấp thực hiện việc lập chứng từ, mở các loại sổ kế toán, báo cáo tài chính, hạch toán thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 1017/QĐ-TCQT ngày 28/12/1999 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quy định hệ thống kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng. Bí thư cấp ủy ký duyệt các khoản thu, chi theo chế độ quy định.

- Một số định khoản đặc trưng thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp theo Quyết định số 1017/QĐ-TCQT:

+ Khi nhận tiền cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị chính quyền cùng cấp chuyển sang, ghi:

Nợ TK 111 Tiền mặt

Có TK 461 Nguồn kinh phí hoạt động (4612 năm nay)

46121 Ngân sách nhà nước cấp

46123 Nguồn kinh phí khác

+ Nhận tiền đảng phí tổ chức Đảng cấp dưới nộp lên, ghi:

Nợ TK 111 Tiền mặt

Có TK 511 Các khoản thu (5111: Thu đảng phí)

+ Nộp tiền đảng phí lên cấp trên, ghi:

Nợ TK 511 Các khoản thu (5111: Thu đảng phí)

Có TK 111 Tiền mặt

+ Cuối kỳ kết chuyển số đảng phí được trích lại, ghi:

- Ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở:

Nợ TK 511 Các khoản thu (5111: Thu đảng phí)

Có TK 46122 Thu tại đơn vị (nguồn thu đảng phí)

- Ở đảng bộ cấp trên cơ sở:

Nợ TK 511 Các khoản thu (5111: Thu đảng phí)

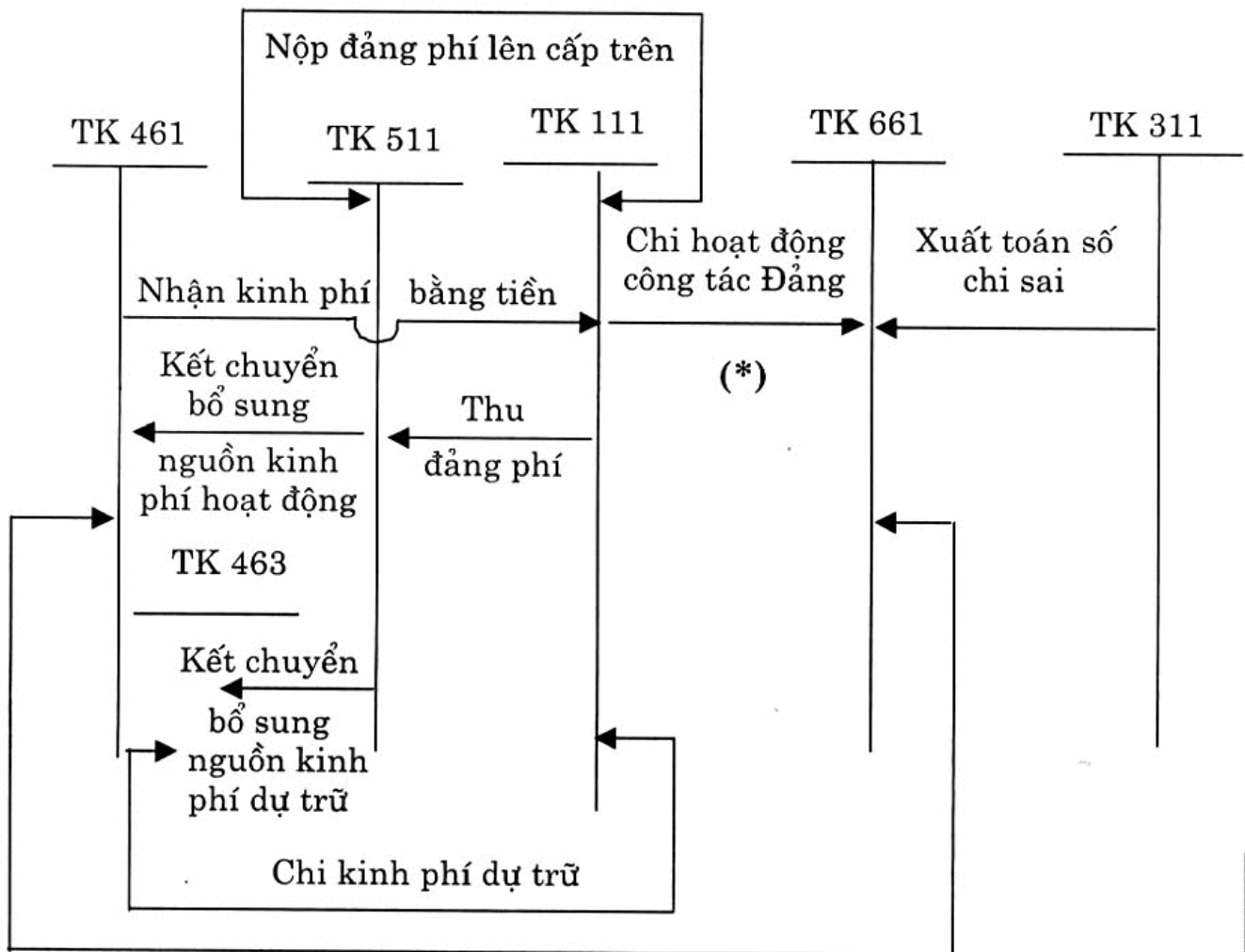
Có TK 463 Nguồn kinh phí dự trữ

+ Cấp trên cơ sở khi chi từ nguồn kinh phí dự trữ, ghi:

Nợ TK 463 Nguồn kinh phí dự trữ

Có TK 111 Tiền mặt

- Các định khoản chi hoạt động công tác Đảng, kết chuyển kinh phí hoạt động đã chi cuối năm và các định khoản thông thường khác kế toán thực hiện theo sơ đồ hạch toán tổng quát dưới đây:



Quyết toán kinh phí hoạt động

(*)- Khi định khoản chi hoạt động, căn cứ 1 trong 4 nội dung, kế toán ghi sổ chi tiết trên mục 134 "Chi khác" theo các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 như điểm 2 (2.2.1) Mục II Phần B Thông tư liên tịch này.

3.2. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở chưa đủ điều kiện thực hiện chế độ kế toán như quy định tại điểm 3.1 trên đây, nếu được đảng ủy trên cơ sở cấp huyện và tương đương trở lên đồng ý bằng văn bản thì được tổ chức ghi sổ đơn nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ các quy định chế độ chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư này.

3.3. Trách nhiệm của cán bộ kế toán.

- Để đảm bảo tính thống nhất chung của hệ thống kế toán, kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn; kế toán các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị cùng cấp của tổ chức Đảng kiêm nhiệm công tác kế toán của tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị. Cán bộ kế toán kiêm nhiệm của tổ chức Đảng có trách nhiệm thực hiện việc ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các hoạt động thu, chi tài chính của tổ chức Đảng, chấp hành đúng các chính sách chi tiêu của Đảng và Nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo kế toán, quyết toán tài chính của Đảng và Nhà nước theo quy định.

III. QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ SỐ KẾ TOÁN, BIỂU DỰ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ hệ thống chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính đã ban hành tại Quyết định số 1017/QĐ-TCQT ngày 28/12/1999 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương; để đáp ứng yêu cầu thực tế công tác quản lý tài chính đối với tổ chức Đảng các cấp, Thông tư này bổ sung, sửa đổi một số sổ kế toán, biểu dự toán và báo cáo tài chính như sau:

1. Bổ sung, sửa đổi biểu dự toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

1.1. Bổ sung biểu “Dự toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp” (Mẫu số D01-HĐ).

1.2. Bổ sung, sửa đổi sổ kế toán:

1.2.1. Bổ sung thêm:

a) Sổ thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp (Mẫu số S62a-HĐ).

b) Sổ tổng hợp chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp (Mẫu số S62b-HĐ).

1.2.2. Sửa đổi “Sổ tổng hợp tình hình kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp” (Mẫu số S46-HĐ).

1.3. Sửa đổi “Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp” (Mẫu số B09-HĐ).

(Mẫu và phương pháp lập biểu dự toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính xem phụ lục kèm theo).

2. Lập và gửi báo cáo tài chính.

2.1. Lập và gửi Báo cáo B09-HĐ

Tổ chức Đảng các cấp có trách nhiệm lập và gửi báo cáo “Tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng” theo Mẫu số B09-HĐ từ cơ sở qua các cấp lên đến Trung ương hàng quý, năm cùng với báo cáo thu, nộp đảng phí Mẫu số B01/ĐP.

2.2. Thời gian nộp Báo cáo B09-HĐ quy định cụ thể như sau:

a) Báo cáo quý:

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở nộp cấp trên chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc quý.

- Đảng bộ trên cơ sở cấp huyện và tương đương nộp cấp trên chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc quý.

- Đảng bộ tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc Trung ương nộp về Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chậm nhất 45 ngày sau khi kết thúc quý.

b) Báo cáo năm:

- Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở nộp cấp trên chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc năm.

- Đảng bộ trên cơ sở cấp huyện và tương đương nộp cấp trên chậm nhất 60 ngày sau khi kết thúc năm.

- Đảng bộ tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc Trung ương nộp về Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chậm nhất 90 ngày sau khi kết thúc năm.

2.3. Tổ chức Đảng nộp báo cáo đúng thời gian quy định, số liệu chính xác được cấp ủy hoặc cơ quan tài chính đảng cấp trên xét khen thưởng như đối với khen thưởng công tác tổng hợp và nộp báo cáo đảng phí; tổ chức Đảng thực hiện chưa tốt, cấp ủy hoặc cơ quan tài chính đảng cấp trên có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở hoặc phê bình bằng văn bản đối với tổ chức Đảng hoặc cơ quan tài chính đảng cấp dưới.

IV. CÔNG TÁC KIỂM TRA XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN

1. Công tác xét duyệt quyết toán.

1.1. Tổ chức Đảng do ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động:

- Kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị quân chính, chính quyền cùng cấp được xét duyệt quyết toán cùng với kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị đó theo quy định của Đảng và Nhà nước hiện hành.

- Kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng do cơ quan tài chính đảng cấp trên cấp phát kinh phí trực tiếp xét duyệt quyết toán.

1.2. Tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp

của Nhà nước tự lấy thu bảo đảm toàn bộ chi phí do Ủy ban kiểm tra cùng cấp phối hợp với cơ quan tài chính của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp kiểm tra, xác nhận số kinh phí đã chi, trình cấp ủy xét duyệt.

2. Công tác hướng dẫn, kiểm tra tài chính kế toán.

Ủy ban kiểm tra cấp ủy chịu trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và cơ quan tài chính đảng cùng cấp theo quy định của Điều lệ Đảng. Cơ quan tài chính đảng cấp trên có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tài chính, kế toán của bộ phận, cơ quan tài chính đảng cấp dưới. Các vi phạm pháp luật trong quản lý tài chính và ngân sách của Đảng, ngoài việc xử lý bằng hình thức kỷ luật của Đảng còn được xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức Đảng và cơ quan tài chính các cấp phải đề cao trách nhiệm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện đúng chế độ chi tiêu, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác Đảng, chế độ kế toán và chế độ báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

Riêng năm 2004, kinh phí để thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư liên tịch này, các đơn vị tự sắp xếp trong dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao.

2. Các Tỉnh ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và cơ quan tài

chính Nhà nước các cấp có trách nhiệm tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Khi tình hình giá cả có thay đổi, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng với Bộ Tài chính và Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Ban Bí thư Trung ương điều chỉnh định mức chi thường xuyên phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước. Bộ Tài chính phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động công tác Đảng đảm bảo tốt các hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp.

4. Thông tư này được phổ biến đến các cấp ủy đảng, đảng viên, cơ quan tài chính Nhà nước các cấp và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các văn bản, chế độ ban hành trước đây trái với Thông tư liên tịch này đều bãi bỏ./.

TRƯỞNG BAN BAN TÀI CHÍNH -
QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG

Đặng Hữu Hải

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Sinh Hùng

Phụ lục

Mẫu và hướng dẫn ghi sổ, lập dự toán và báo cáo tài chính ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 225/2004/TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/4/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính:

1. Biểu dự toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp, Mẫu số D01-HĐ.

2. Sổ thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp, Mẫu số S62a-HĐ.

3. Sổ tổng hợp chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp, Mẫu số S62b-HĐ.

4. Sổ tổng hợp tình hình kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp, Mẫu số S46-HĐ.

5. Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp, Mẫu số B09-HĐ.

Đảng bộ cấp trên:

Mẫu số D01-HĐ

TCD lập dự toán:..... Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 225/2004/

TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/4/2004

của Ban TCQT TW và Bộ Tài chính

DỰ TOÁN
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG
CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

Năm:.....

Số thứ tự	Diễn giải	Ước thực hiện năm trước	Năm nay	
			Dự toán	Được duyệt
A	Phần kinh phí hoạt động được cấp theo quy định			
I	Mua báo, tạp chí của Đảng (TM 20)			
1	Báo Nhân dân			
2	Báo địa phương (hoặc báo Quân đội nhân dân, Công an nhân dân...)			
3	Tạp chí Cộng sản			
4	Tạp chí Xây dựng Đảng			
5			
II	Chi tổ chức Đại hội Đảng (TM 21)			
1	Đại hội chi bộ trực thuộc			
2	Đại hội đảng bộ bộ phận			
3	Đại hội chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở			
3.1	Tiền ăn			
3.2	Chi phí khác			
III	Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng (TM 22)			
1	Khen thưởng đảng viên			
2	Khen thưởng tổ chức Đảng trực thuộc			

Số thứ tự	Diễn giải	Ước thực hiện năm trước	Năm nay	
			Dự toán	Được duyệt
IV	Chi thanh toán..... (TM 23)			
B	Đảng phí được trích lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở			
C	Chênh lệch (A - B)			

(Tổ chức Đảng cấp trên cơ sở là đơn vị dự toán ngân sách đảng có tổ chức công tác kế toán riêng thì lập dự toán như các cơ quan hành chính sự nghiệp của Đảng).

....., ngày..... tháng..... năm.....

Duyệt

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lập biểu

(Ký, họ tên)

TM. cấp ủy

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị cấp trên:.....

Đơn vị ghi số:.....

Mẫu số S62a-HĐ

Ban hành theo Thông tư liên tịch số 225/2004/

TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/4/2004

của Ban TCQT TW và Bộ Tài chính

**SỔ THU, CHI KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG
CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP**

Chứng từ			Diễn giải	Thu				Chi hoạt động thường xuyên								ĐP nộp cấp trên. Chi ĐP là KP dự trữ	Tổng cộng chi	Tồn quỹ		
Số hiệu	Ngày tháng	Thu Chi		Đảng phí	NSNN cấp	Kinh phí khác	Cộng	T	T	T	TM 23				Cộng chi hoạt động					
								M	M	M	Cộng									
A	B	C		D	1	2	3	4=1+2+3	5	6	7	8	9	...	15				16=8+...+15	17=5+6+7+16
		1	Cộng kỳ này																	
		2	LK kỳ trước mang sang																	
		3	LK đến cuối kỳ này (1+2)																	

Sổ này có.....trang, từ trang.....đến trang.....

Ngày mở và ghi số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

Phụ trách kế toán

TM. cấp ủy

(Ký, đóng dấu)

Đơn vị cấp trên:.....

Đơn vị ghi số:.....

Mẫu số S46-HĐ

Ban hành theo Quyết định số 1017-QĐ/TCQT ngày 28/12/1999 và sửa đổi theo Thông tư liên tịch số 225/2004/TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/4/2004 của Ban TCQT TW và Bộ Tài chính

SỔ TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP
Quý.....năm.....

Số thứ tự	Tên đơn vị cấp dưới	Kinh phí thường xuyên														
		Kinh phí kỳ trước chuyển sang	Kinh phí phát sinh kỳ này								Tổng KP được sử dụng		KP đã chi đề nghị quyết toán		Kinh phí chuyển kỳ sau	
			Thu đảng phí		NSNN cấp		KP khác		Cộng							
			Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế		Kỳ này
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+8	11	12	13	14=10-12	
Tổng cộng																

KINH PHÍ DỰ TRỮ					
Kinh phí kỳ trước chuyển sang	Kinh phí phát sinh		Kinh phí đã chi		Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau
	Kỳ này	Lũy kế	Kỳ này	Lũy kế	
15	16	17	18	19	20 = 15+16-17

Sổ này có.....trang, từ trang.....đến trang.....

Ngày mở và ghi số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

Phụ trách kế toán

TM. cấp ủy
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị nhận báo cáo:

Mẫu số B09-HĐ

Đơn vị báo cáo:.....

Ban hành theo Quyết định số 1017/QĐ-TCQT ngày 28/12/1999 và sửa đổi theo Thông tư liên tịch số 225/2004/TTLT-BTCQTTW-BTC ngày 05/4/2004 của Ban TCQT TW và Bộ Tài Chính

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ
HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

PHẦN I . TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế
I	Kinh phí thường xuyên			
1	Kinh phí kỳ trước còn lại chuyển sang	01		
2	Kinh phí phát sinh (03 + 04 + 05)	02		
2.1	<i>Đảng phí trích được giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở</i>	03		
	<i>Trong đó: - Tổng thu đảng phí</i> <i>- Đảng phí nộp cấp trên</i>			
2.2	<i>Ngân sách nhà nước cấp</i>	04		
2.3	<i>Kinh phí khác (doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước... chuyển sang và thu khác)</i>	05		
3	Tổng kinh phí được sử dụng (01 + 02)	06		
4	Kinh phí đã chi đề nghị quyết toán	07		
5	Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau (06 - 07)	08		
II	Kinh phí dự trữ (đảng phí trích giữ lại ở cấp trên cơ sở)			
1	Kinh phí kỳ trước còn lại chuyển sang	09		
2	Kinh phí phát sinh (đảng phí được trích lại):	10		
	<i>Trong đó:</i> <i>- Đảng phí thu của tổ chức Đảng cấp dưới.....</i> <i>- Đảng phí nộp cấp trên</i>			
3	Kinh phí đã chi	11		
4	Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau (09 + 10 - 11)	12		

Mẫu số B09-HĐ

**PHẦN II . KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN
ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN (MỤC 134)**

SỐ HIỆU		TÊN MỤC, TIỂU MỤC	KINH PHÍ ĐÃ CHI ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	
Tiểu mục	Chi tiết		Kỳ này	Lũy kế
20		Chi mua báo, tạp chí của Đảng		
21		Chi tổ chức đại hội đảng		
22		Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng		
23		Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng và các chi đảng vụ khác, chia ra:		
	23.1	Chi vật tư văn phòng		
	23.2	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc		
	23.3	Chi hội nghị		
	23.4	Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chính trị công tác xây dựng Đảng		
	23.5	Chi hỗ trợ		
	23.6	Chi thăm hỏi, tiếp khách		
	23.9	Chi khác		

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

Người lập biểu Phụ trách kế toán

TM. cấp ủy
(Ký, đóng dấu)

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP (Mẫu số B09-HĐ)

I. Mục đích:

Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình tiếp nhận và sử dụng các nguồn kinh phí bao gồm: thu đảng phí được trích giữ lại, ngân sách nhà nước cấp hoặc doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước chuyển sang, thu khác và số thực chi cho từng loại hoạt động của tổ chức Đảng các cấp kỳ báo cáo và từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo.

Báo cáo này được dùng cho các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp và cơ quan tài chính đảng cấp trên. Tổ chức Đảng cấp trên cơ sở là đơn vị dự toán, có cán bộ kế toán chuyên trách, lập các báo cáo theo quy định tại Quyết định số 1017/QĐ-TCQT ngày 28/12/1999 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương như đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng phần kinh phí hoạt động của đơn vị mình; đồng thời tổng hợp các tổ chức Đảng trực thuộc để lập Báo cáo B09-HĐ của toàn đảng bộ.

II. Kết cấu của báo cáo:

Báo cáo B09-HĐ gồm 2 cột kỳ này, lũy kế và 2 phần nội dung kinh tế:

Phần I: Tình hình kinh phí.

Phản ánh tổng hợp toàn bộ tình hình nhận và sử dụng nguồn kinh phí trong kỳ và từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo của tổ chức Đảng, theo 2 loại: kinh phí thường xuyên và kinh phí dự trữ.

Phần II: Kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán.

Phản ánh toàn bộ số kinh phí hoạt động đã sử dụng trong kỳ của tổ chức Đảng theo 4 tiểu mục: 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 đề nghị quyết toán.

III. Nguồn số liệu để lập báo cáo:

- Sổ S62a-HĐ “Sổ thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp”.

- Sổ S62b-HĐ “Sổ tổng hợp chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp”.

- Sổ S46-HĐ “Sổ tổng hợp tình hình kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp”.

- Báo cáo B09-HĐ kỳ trước.

IV. Thời hạn lập báo cáo: Quý, năm.

V. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong báo cáo:

A. Đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí.

Phần I: Tình hình kinh phí.

I. Kinh phí thường xuyên:

1. Cột kỳ này:

1.1. Kinh phí kỳ trước còn lại chuyển sang - Mã số 01.

Chỉ tiêu này phản ánh số kinh phí thường xuyên quý trước (hoặc năm trước) còn lại chuyển sang kỳ này hoặc năm sau.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ số liệu đã ghi ở Mã số 08 báo cáo này kỳ trước.

1.2. Kinh phí phát sinh - Mã số 02 = Mã số (03 + 04 + 05).

1.2.1. Đảng phí trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở - Mã số 03.

Chỉ tiêu này phản ánh số đảng phí được trích lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở theo quy định.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ trên Sổ S62a-HĐ, cụ thể:

Số cộng kỳ này (cột 1 "Thu đảng phí")	X	% đảng phí được trích lại ở cấp mình theo quy định
--	---	--

Trong đó: - Dòng Tổng số thu đảng phí:

Số liệu để ghi vào dòng phụ này (không có mã số, ghi để biết) được căn cứ vào dòng cộng kỳ này Cột 1 "Thu đảng phí".

- Dòng Đảng phí nộp cấp trên:

Số liệu để ghi vào dòng này được căn cứ chứng từ chi nộp đảng phí lên cấp trên được phản ánh trên Cột 18 "Đảng phí nộp cấp trên...".

1.2.2. Ngân sách nhà nước cấp - Mã số 04.

Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước cấp do cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp chuyển sang cho tổ chức Đảng hoạt động theo dự toán được duyệt.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ số cộng kỳ này: Cột 2 "ngân sách nhà nước cấp" cuối Sổ S62a-HĐ.

1.2.3. Kinh phí khác (doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước chuyển sang và thu khác) - Mã số 05.

Chỉ tiêu này phản ánh số kinh phí do doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước... chuyển sang cho tổ chức Đảng hoạt động theo dự toán được duyệt và các khoản thu nội bộ khác như thu của cá nhân, tổ chức... ủng hộ cho tổ chức Đảng.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ dòng số cộng kỳ này, Cột 3 "Kinh phí khác" cuối Sổ S62a-HĐ.

1.3. Tổng kinh phí được sử dụng - Mã số 06 = Mã số (01 + 02).

1.4. Kinh phí đã chi đề nghị quyết toán - Mã số 07.

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số kinh phí tổ chức Đảng đã chi trong kỳ đề nghị quyết toán.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào dòng cộng kỳ này Cột 17 "Cộng chi hoạt động" cuối Sổ S62a-HĐ.

1.5. Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau - Mã số 08 = Mã số (06 - 07).

2. Cột lũy kế:

Số liệu để ghi vào cột lũy kế được căn cứ dòng cộng lũy kế cuối Sổ S62a-HĐ của các cột 1, 2, 3, 4 và 17 để ghi vào các mã số có cùng nội dung kinh tế.

II. Kinh phí dự trữ (đảng phí được trích lại ở cấp trên cơ sở).

1. Cột kỳ này.

1.1. Kinh phí kỳ trước còn lại chuyển sang - Mã số 09.

Chỉ tiêu này phản ánh số kinh phí kỳ trước hoặc năm trước còn lại chuyển sang kỳ sau, năm sau.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Mã số 12 báo cáo này kỳ trước.

1.3. Kinh phí phát sinh (đảng phí được trích giữ lại) - Mã số 10.

Chỉ tiêu này phản ánh số đảng phí được trích giữ lại ở cấp trên cơ sở theo quy định là nguồn kinh phí dự trữ.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào dòng cộng kỳ này cuối Sổ S62a-HĐ, cụ thể:

Số cộng kỳ này cột 1 "Thu đảng phí"	X	50% đảng phí được trích lại theo quy định cho các cấp trên cơ sở
---	---	---

+ Các dòng phụ không có mã số:

- Đảng phí thu của tổ chức Đảng cấp dưới:

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số đảng phí thực tế cấp trên cơ sở thu được của các tổ chức Đảng cấp dưới kỳ báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào dòng cộng kỳ này Cột 1 "Thu đảng phí" cuối Sổ S62a-HĐ.

- Đảng phí nộp cấp trên.

Chỉ tiêu này phản ánh số đảng phí cấp trên cơ sở thực tế đã nộp cấp trên kỳ báo cáo.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chứng từ chi nộp đảng phí lên cấp trên phản ánh trên Cột 18 "Chi đảng phí", Sổ S62a-HĐ.

1.4. Kinh phí đã chi - Mã số 11.

Chỉ tiêu này phản ánh số kinh phí dự trữ (số đảng phí được trích giữ lại ở cấp trên cơ sở) đã chi trong kỳ.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ các chứng từ chi hỗ trợ cho các cơ sở đảng khó khăn, chi thù lao kiêm nhiệm công tác kế toán, công tác tổng hợp lập báo cáo thu, nộp đảng phí, chi khen thưởng về công tác báo cáo thu, nộp đảng phí, báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp theo quy định phản ánh trên Cột 18 "Chi đảng phí" Sổ S62a-HĐ.

1.5. Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau - Mã số 12 = Mã số (09+10-11).

Phần II. Kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán.

1. Cột kỳ này.

Kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng số chi hoạt động thường xuyên trong kỳ báo cáo của tổ chức Đảng đề nghị quyết toán.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán” theo từng nội dung chi, là số phát sinh của các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 dòng cộng kỳ này trên Sổ S62a-HĐ “Thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp” từ cột 5 đến cột 17 để ghi mỗi cột vào một dòng trên Báo cáo B09-HĐ có cùng nội dung kinh tế. Các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 xem điểm 2 (2.2.1) Mục II “Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động công tác Đảng” của Thông tư liên tịch này.

2. Cột lũy kế.

Số liệu để ghi vào cột lũy kế được căn cứ dòng cộng lũy kế cuối Sổ S62a-HĐ từ cột 5 đến cột 17 để ghi mỗi cột vào 1 dòng có cùng nội dung kinh tế.

B. Đơn vị cấp trên tổng hợp các tổ chức Đảng cấp dưới.

Phần I. Tình hình kinh phí.

Nguồn số liệu: Sổ S46-HĐ “Sổ tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp”.

Số liệu để ghi vào Phần I được căn cứ ở dòng tổng cộng các đơn vị cấp dưới cuối Sổ S46-HĐ kỳ báo cáo theo thứ tự:

+ Cột 1 ghi vào Mã số 01.

+ Các cột kỳ này trên sổ được ghi vào cột kỳ này trên Báo cáo B09-HĐ với các mã số tương ứng có cùng nội dung kinh tế.

+ Các cột lũy kế trên sổ được ghi vào cột lũy kế trên Báo cáo B09-HĐ với các mã số tương ứng có cùng nội dung kinh tế.

Phần II. Kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán.

Nguồn số liệu: Sổ S62b-HĐ “Sổ tổng hợp chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức Đảng các cấp” kỳ này.

Số liệu ghi vào Phần II “Kinh phí hoạt động thường xuyên đã chi đề nghị quyết toán” được căn cứ ở dòng tổng cộng các đơn vị cấp dưới cuối Sổ S62b-HĐ kỳ báo cáo theo thứ tự:

+ Dòng “Cộng các cột kỳ này” trên sổ được ghi vào cột kỳ này trên Báo cáo B09-HĐ với các mã số tương ứng có cùng nội dung kinh tế.

+ Dòng “Cộng các cột lũy kế” trên sổ được ghi vào cột lũy kế trên Báo cáo B09-HĐ với các mã số tương ứng có cùng nội dung kinh tế.

PHƯƠNG PHÁP LẬP BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP (Mẫu số D01-HĐ)

1. Mục đích:

Biểu dự toán Mẫu số D01-HĐ dùng cho chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp để lập dự toán thu, chi kinh phí hoạt động công tác Đảng hàng năm theo các mức, chỉ tiêu về kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng các

cấp đã được quy định trong Quyết định số 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương. Biểu dự toán của tổ chức Đảng là một phần trong tổng dự toán của toàn cơ quan, đơn vị hoặc trong tổng kế hoạch tài chính của toàn doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế...

2. Kết cấu biểu dự toán:

- Biểu gồm các cột: thứ tự, diễn giải, ước thực hiện năm trước, dự toán (năm nay) và số được duyệt (năm nay).

- Các chỉ tiêu hàng ngang gồm 3 phần:

A- Kinh phí hoạt động được cấp theo quy định.

Là số kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng được chi trong 1 năm chia ra 4 loại chi theo 4 tiểu mục 20, 21, 22 và 23.

B- Đảng phí được trích giữ lại ở chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở.

C- Chênh lệch (A-B) là số chênh lệch giữa tổng số chi theo quy định với số đảng phí được trích lại theo quy định. Số chênh lệch này do ngân sách nhà nước cấp hoặc do các doanh nghiệp nhà nước,

Dự toán mua báo, tạp chí	=	Giá bán 1 tờ báo, tạp chí	x	Số lượng báo, tạp chí được mua 1 kỳ	x	Số kỳ trong năm
--------------------------	---	---------------------------	---	-------------------------------------	---	-----------------

- Báo Nhân dân hàng ngày	=	1.200 đồng	x	12 đơn vị được mua báo	x	313 ngày	=	4.507.200 đồng
--------------------------	---	------------	---	------------------------	---	----------	---	----------------

- Báo Nhân dân cuối tuần	=	1.500 đồng	x	12 đơn vị được mua báo	x	52 tuần	=	936.000 đồng
--------------------------	---	------------	---	------------------------	---	---------	---	--------------

- Tạp chí Cộng sản	=	6.000 đ/số	x	2 đơn vị được mua	x	24 kỳ/năm	=	288.000 đồng
--------------------	---	------------	---	-------------------	---	-----------	---	--------------

đơn vị sự nghiệp của Nhà nước... chuyển sang cho tổ chức Đảng hoạt động.

3. Căn cứ và phương pháp lập biểu dự toán:

+ Dự toán được lập mỗi năm 1 lần theo quy định.

+ Căn cứ số liệu để ghi vào biểu:

- Cột ước thực hiện năm trước, căn cứ số đã chi đến tháng lập dự toán ghi trên Sổ S62a-HĐ và dự toán được duyệt năm trước để ước tính số thực hiện năm trước

- Cột dự toán (năm nay):

Căn cứ các mức, chỉ tiêu quy định cho từng loại hình tổ chức Đảng, đảng viên được quy định tại Quyết định số 84/QĐ-TW để ghi.

4. Ví dụ:

Dự toán sơ bộ của một đảng bộ xã có 10 chi bộ trực thuộc, 265 đảng viên:

4.1. Tiểu mục 20: Chi mua báo, tạp chí của Đảng. Tổ chức Đảng được mua loại báo, tạp chí nào thì lập dự toán loại báo, tạp chí đó.

Cộng:	<hr/>	5.731.200 đồng
-------	-------	----------------

4.2. *Tiểu mục 21*: Chi tổ chức Đại hội Đảng.

- Đại hội 10 chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường, thị trấn:	265 đảng viên	x	10.000 đồng	=	2.650.000 đồng
- Đại hội đảng bộ cơ sở xã:					
+ Tiền ăn:	120 đại biểu	x	15.000 đồng	=	1.800.000 đồng
+ Chi phí khác:					300.000 đồng
				Cộng:	4.750.000 đồng

4.3. *Tiểu mục 22*: Chi khen thưởng hoạt động công tác Đảng.

- Khen đảng viên: mức khen	x	số lượng	=
100.000 đồng	x	15 đảng viên	=	1.500.000 đồng
- Khen tổ chức Đảng: mức khen	x	số lượng	=
100.000 đồng	x	6 chi bộ	=	600.000 đồng
			Cộng:	2.100.000 đồng

4.4. *Tiểu mục 23*: như cách tính đã nêu tại điểm 4.2 và điểm 5 Mục I Phần B "Những quy định cụ thể" tại Thông tư liên tịch này.

Cụ thể:	30 đảng viên	x	300.000 đồng	=	9.000.000 đồng
	70 đảng viên	x	200.000 đồng	=	14.000.000 đồng
	165 đảng viên	x	60.000 đồng	=	9.900.000 đồng
			Cộng:		32.900.000 đồng
			Tiểu mục (20 + 21 + 22 + 23)	=	45.581.200 đồng

• **Cột được duyệt:** là cột để cơ quan có thẩm quyền ghi số dự toán thực tế của tổ chức Đảng được duyệt.

PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ TỔNG HỢP CHI HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP

(Mẫu số S62b-HĐ)

1. Mục đích:

Sổ S62b-HĐ dùng cho các đảng bộ cấp trên cơ sở và cơ quan tài chính Đảng cấp trên để tổng hợp 4 tiểu mục chi hoạt động 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 của tất cả các tổ chức Đảng trực thuộc toàn đảng bộ cấp trên cơ sở để cung cấp số liệu cho việc lập Báo cáo tài chính B09-HĐ của toàn đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc cơ quan tài chính Đảng cấp trên.

2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

- Sổ được tổng hợp theo từng quý.
- Căn cứ ghi sổ là số liệu ghi trên Phần II "Kinh phí hoạt động thường xuyên đã sử dụng đề nghị quyết toán" Báo cáo B09-HĐ của các tổ chức Đảng cấp dưới nộp lên.
- Các cột A, B ghi số thứ tự, tên các đơn vị cấp dưới, mỗi đơn vị ghi 1 dòng.
- Các cột kỳ này (các cột số lẻ 1, 3, 5, 7 đến cột 25) căn cứ các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 trên cột kỳ này Phần II Báo cáo B09-HĐ của từng đơn vị cấp dưới để ghi vào các cột có cùng nội dung kinh tế.

- Các cột lũy kế: (các cột số chẵn 2, 4, 6, 8 đến cột 26) căn cứ các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 trên cột lũy kế Phần II Báo cáo B09-HĐ của từng đơn vị cấp dưới để ghi vào các cột có cùng nội dung kinh tế.

- Số liệu ở dòng tổng cộng các đơn vị cấp dưới được làm căn cứ để lập Báo cáo B09-HĐ (Phần II) của toàn đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc cơ quan tài chính Đảng cấp trên.

**PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT
TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TÁC ĐẢNG CỦA TỔ
CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP
(Mẫu số S46-HĐ)**

1. Mục đích:

Sổ S46-HĐ dùng cho các đảng bộ cấp trên cơ sở và cơ quan tài chính đảng cấp trên để tổng hợp tình hình kinh phí thường xuyên và kinh phí dự trữ của tất cả các đơn vị cấp dưới và bản thân đảng bộ cấp trên cơ sở để cung cấp số liệu cho việc lập báo cáo tài chính B09-HĐ (Phần I: Tình hình kinh phí) của toàn đảng bộ cấp trên cơ sở hoặc cơ quan tài chính đảng cấp trên.

2. Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

- Sổ được tổng hợp theo từng quý.
- Căn cứ để ghi sổ là số liệu ghi trên Phần I "Tình hình kinh phí" Báo cáo B09-HĐ của các tổ chức Đảng cấp dưới nộp lên.
- Các cột A, B ghi số thứ tự, tên các đơn

vị cấp dưới, mỗi đơn vị cấp dưới ghi 1 dòng.

2.1. Kinh phí thường xuyên:

- Cột 1: lấy số liệu của Mã số 01.
- Cột 14: lấy số liệu của Mã số 14.
- Các cột kỳ này 2, 4, 6, 8, 10 và 12: lấy số liệu trên cột kỳ này Báo cáo B09-HĐ có cùng nội dung kinh tế để ghi.
- Các cột lũy kế 3, 5, 7, 9, 11 và 13: lấy số liệu trên cột lũy kế Báo cáo B09-HĐ có cùng nội dung kinh tế để ghi.

2.2. Kinh phí dự trữ:

- Cột 15: căn cứ số liệu của Mã số 09 trên Báo cáo B09-HĐ để ghi.
- Cột 20: căn cứ số liệu của Mã số 12 trên Báo cáo B09-HĐ để ghi.
- Cột 16 và 18: lấy số liệu trên cột kỳ này Báo cáo B09-HĐ có cùng nội dung kinh tế để ghi.
- Cột 17 và 19: lấy số liệu trên cột lũy kế Báo cáo B09-HĐ có cùng nội dung kinh tế để ghi.

**PHƯƠNG PHÁP GHI SỔ KẾ TOÁN
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỔ THU, CHI
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CÔNG
TÁC ĐẢNG CỦA TỔ CHỨC
ĐẢNG CÁC CẤP
(Mẫu số S62a-HĐ)**

1. Mục đích:

Sổ S62a-HĐ dùng cho các chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các cấp trên cơ sở trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức

kinh tế... không tổ chức bộ phận kế toán riêng trực tiếp sử dụng kinh phí hoạt động công tác Đảng để tập hợp phản ánh các khoản thu, chi kinh phí thường xuyên và thu, chi đảng phí nhằm quản lý, kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí hoạt động và cung cấp số liệu cho việc lập Báo cáo B09-HĐ của tổ chức Đảng.

2. Kết cấu sổ:

Sổ gồm 3 phần: phần thu, phần chi và phần tồn quỹ.

3. Căn cứ và phương pháp ghi sổ:

- Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ thu, chi hoặc các bảng kê tổng hợp chứng từ liên quan đến thu, chi kinh phí thường xuyên và thu, chi đảng phí của tổ chức Đảng.

- Sổ được đóng thành quyển sử dụng trong năm. Mỗi năm tổ chức Đảng sử dụng 1 hoặc một số quyển được đánh số từ 01 đến quyển cuối cùng trong năm.

- Mở đầu trang sổ ghi số tồn quỹ ở dòng đầu trên cột 20 "Tồn quỹ".

- Cột A: ghi số hiệu chứng từ thu.

- Cột B: ghi số hiệu chứng từ chi.

- Cột C: ghi ngày, tháng lập chứng từ thu, chi.

- Cột D: diễn giải nội dung tóm tắt nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trên chứng từ.

- Cột 1: ghi số đảng phí thu được của đảng viên hoặc tổ chức Đảng cấp dưới nộp lên theo quy định.

- Cột 2: ghi số kinh phí thường xuyên do cơ quan, đơn vị chính quyền, quân chính cùng cấp chuyển sang cho tổ chức Đảng theo dự toán được duyệt.

- Cột 3: ghi số kinh phí thường xuyên do doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước chuyển sang cho tổ chức Đảng trong doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp hoạt động theo dự toán được duyệt và các khoản thu khác (nếu có).

- Cột 4 = Cột (1 + 2 + 3).

- Từ cột 5 đến cột 19 ghi số chi thuộc các tiểu mục 20, 21, 22 và chi tiết tiểu mục 23 và chi đảng phí theo quy định.

- Ví dụ: Chi mua báo, tạp chí của Đảng ghi vào cột 5 (tiểu mục 20).

Chi mua văn phòng phẩm ghi vào cột 8 (tiểu mục 23, chi tiết 23.1).

- Cột 20 = Cột (4 - 19).

Cuối tháng hoặc cuối quý phải cộng số phát sinh trong tháng hoặc trong quý, số lũy kế từ đầu năm, đầu quý, cụ thể:

+ Dòng cộng 1: Cộng tháng này.

+ Dòng cộng 2: Số lũy kế tháng trước, quý trước mang sang.

+ Dòng cộng 3 = Dòng (1 + 2)/.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng